

HOẠT ĐỘNG BUÔN BÁN NGỰA VÀ CHÍNH SÁCH KINH DINH CỦA NHÀ LÝ Ở KHU VỰC TÂY BẮC

PHẠM LÊ HUY*

Trong khoảng mười năm trở lại đây, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, đặc biệt là các học giả nước ngoài như GS. Momoki Shiro, GS. John Whitmore, GS. Li Tana,... đã công bố một số công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động kinh tế tại Giao Chỉ - Đại Việt, chủ yếu trong giai đoạn thế kỷ X-XV (1). Những công trình nghiên cứu này có ý nghĩa rất quan trọng, giúp chúng ta đánh giá lại vai trò và vị trí của Việt Nam trong mạng lưới thương mại khu vực thời kỳ tiền cận đại.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các nghiên cứu này cũng đặt ra cho chúng ta một số vấn đề cần tiếp tục làm rõ:

- *Thứ nhất*, hoạt động thương mại thời kỳ Đại Việt được xây dựng và phát triển trên cơ sở các quan hệ thương mại giai đoạn trước đó như thế nào?

- *Thứ hai*, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với chính sách kinh dinh của triều đình Đại Việt ở các vùng ngoại biên.

Liên quan đến hướng nghiên cứu thứ hai, trong khi vùng biên giới phía Bắc và khu vực duyên hải đã được nghiên cứu một cách khá kỹ lưỡng thông qua công trình nghiên cứu của các học giả Hoàng Xuân Hãn (2), Momoki Shiro,... những hiểu biết của chúng ta về khu vực Tây Bắc (3) còn

hết sức hạn chế. Chính vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn tập hợp, phân tích các nguồn sử liệu liên quan đến hoạt động buôn bán ngựa tại khu vực Tây Bắc từ thế kỷ VIII đến giữa thế kỷ XII. Thông qua đó, chúng tôi muốn phác họa nên một bức tranh rõ nét hơn về hoạt động chính trị - kinh tế ở khu vực này từ thời thuộc Đường đến thời Lý, đồng thời làm rõ hơn các chính sách của vương triều Lý trong công cuộc kinh dinh khu vực Tây Bắc.

Hoạt động buôn bán ngựa ở khu vực Tây Bắc thời thuộc Đường

Trước đây, nhiều học giả đã đề cập đến sự kiện An Nam Đô hộ Lý Trác mua ép trâu ngựa của người Man để chứng minh sự tồn tại của hoạt động buôn bán trâu ngựa tại An Nam vào giữa thế kỷ IX. Tuy nhiên, trên thực tế, chưa có bất cứ một công trình khảo cứu chuyên sâu nào về hoạt động giao thương này. Vẫn còn nhiều câu hỏi mà chúng ta cần giải đáp như hoạt động buôn bán thời Đường đã có từ khi nào, diễn ra tại đâu, có những đối tượng nào tham gia, có quan hệ như thế nào với những chính sách sau này của nhà Lý ở khu vực Tây Bắc.

Đoạn ghi chép dưới đây của *Man thư* sẽ cung cấp cho chúng ta một số thông tin quan trọng để giải quyết những vấn đề nêu trên:

* ThS. Khoa Đông Phương học - Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG HN

Sử liệu 1: *Man thư*, Q.4 (4).

崇魔蛮, 去安南管内林西原十二日程, 溪洞而居, 俗养牛马, 比年与汉博易, 自大中八年, 经略使苛暴, 令人将塩往林西原博牛马, 每一头匹只许塩一斗, 因此隔绝, 不将牛马来。

Dịch nghĩa:

Sùng Ma Man, cách Lâm Tây Nguyên thuộc An Nam 12 ngày đường. Sống trong khe động, tục nuôi trâu ngựa. Nhiều năm cùng Hán giao dịch. Từ năm Đại Trung 8 (854), Kinh lược sứ hà khắc tàn bạo, sai người mang muối đến Lâm Tây Nguyên mua trâu ngựa, mỗi con chỉ cho một đấu muối. Từ đó cách tuyệt, không mang trâu ngựa đến nữa.

Theo Phan Xước, một viên quan nhà Đường làm việc tại An Nam vào cuối thế kỷ IX, hoạt động mua bán trâu ngựa giữa người Hán và một bộ lạc miền núi là Sùng Ma Man (5) diễn ra tại Lâm Tây Nguyên. Theo *Tư trị thông giám* (Q. 249), Lâm Tây Nguyên là vùng phía Tây của Phong châu (6).

Phong Châu, đặc biệt là Lâm Tây Nguyên, có vị trí rất quan trọng trong chính sách kinh dinh của nhà Đường ở An Nam. Nó nằm trên con đường giao thông huyết mạch nối liền vùng đồng bằng sông Hồng với Vân Nam. Ngay sau khi cướp được Giao châu từ tay nhà Tùy, năm Vũ Đức thứ 4 (621), nhà Đường đã coi Phong châu là tiền đồn nhằm kiểm soát 28 châu ki mi ở khu vực phía Tây (7). Cùng với sự bành trướng thế lực của Nam Chiếu từ cuối thế kỷ VIII, vai trò của Phong Châu ngày càng được coi trọng. Ngày 20 tháng 4 năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Phong Châu được thăng làm Đô đốc phủ, kiêm quản 18 châu ki mi (8). Cách châu trị Phong Châu 2 ngày đường là Chân Châu và Đẳng Châu, biên giới Tây Bắc của An Nam Đô hộ phủ. Tại hai châu biên giới này, nhà Đường thiết

lập một đội quân đồn trú gọi là "Phòng đông bình" với quân số khoảng 6 nghìn người. Quân đội nhà Đường tại đây nhận được sự hỗ trợ quân sự của Thất Oản động - liên minh các bộ lạc miền núi ở vùng Lâm Tây Nguyên do tù trưởng Lý Do Độc chỉ huy. Đến niên hiệu Đại Trung (847-859), theo lời khuyên của một viên quan địa phương, Đô hộ Lý Trác đã tấu lên triều đình nhà Đường xin bãi bỏ quân phòng đông. Sau sự kiện này, Lý Do Độc một mình phải đảm đương nhiệm vụ phòng thủ biên giới. Trong khi đó, chính quyền Nam Chiếu dùng nhiều thủ đoạn để lôi kéo viên tù trưởng này về phe mình, như gả cháu gái của Thác Đông Tiết độ sứ cho con trai của Lý Do Độc hay phong viên tù trưởng này làm áp nha trong chính quyền Nam Chiếu. Bên cạnh sự lôi kéo của Nam Chiếu, những sai lầm trong chính sách đối với các bộ lạc miền núi của Lý Trác như đã trình bày ở trên là nguyên nhân quyết định dẫn tới việc Lý Do Độc ngả theo thế lực của Nam Chiếu. Đến niên hiệu Hàm Thông, thậm chí lực lượng Thất Oản động còn tham gia vào cuộc tấn công của Nam Chiếu vào phủ thành đô hộ (9).

Vấn đề đặt ra là Lâm Tây Nguyên - nơi diễn ra hoạt động buôn bán ngựa vào thời Đường nằm ở đâu. Hiện nay, chúng ta chỉ có thể căn cứ vào vị trí của Phong châu và hai châu Chân, Đẳng để tưởng định vị trí của Lâm Tây Nguyên. Thứ nhất, châu trị Phong châu nằm ở huyện Gia Ninh, cách phủ thành An Nam 145 lý đường thủy (Thái Bình hoàn vũ ký, Q.170) (khoảng 73 km) về phía Tây Bắc. Quãng đường thủy đó theo *Man thư* (Q.1) đi mất khoảng 2 ngày. Cũng theo ghi chép của *Man thư*, từ Phong châu đi tiếp 2 ngày nữa thì đến Đẳng Châu (11). Như vậy, nếu căn cứ vào tốc độ đi từ phủ thành An Nam đến Phong Châu, Đẳng Châu phải ở khoảng phía Bắc tỉnh Phú Thọ

ngày nay. Đến thời Lý xuất hiện châu Chân Đẳng, chắc là kế thừa hai châu Chân, Đẳng thời Đường. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Cương mục) cho châu Chân Đẳng thời Lý là phủ Lâm Thao thời Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí* lại xác định một số huyện như Yên Lập thuộc trấn Hưng Hóa (Lào Cai ngày nay) là châu Đẳng đời Lý. Thất Oản động của Lâm Tây Nguyên canh phòng 2 châu Chân và Đẳng, vậy cũng phải ở lân cận khu vực đó. Nếu căn cứ vào vị trí châu Chân Đẳng và châu Vị Long - địa bàn buôn bán ngựa thời Lý (sẽ trình bày ở phần sau), có thể suy đoán Lâm Tây Nguyên thời Đường là một khu vực khá rộng lớn, nằm ở phía Bắc tỉnh Phú Thọ, gần tỉnh Yên Bái và có thể bao gồm một phần của tỉnh Tuyên Quang ngày nay.

Căn cứ vào các nguồn sử liệu đã dẫn ở trên, có thể thấy Lâm Tây Nguyên - nơi diễn ra hoạt động buôn bán trâu ngựa thời thuộc Đường có tính chất như là khu vực biên giới - vùng đệm (*buffer zone*) giữa 2 thế lực lớn là nhà Đường và Nam Chiếu. Đây vốn là địa bàn sinh sống của một số bộ lạc miền núi, có quyền tự trị và có lực lượng quân sự riêng. Đến giữa thế kỷ IX, các bộ lạc này đã hình thành nên một liên minh bộ lạc (Thất Oản động), đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của tù trưởng Lý Do Độc. Cả nhà Đường và Nam Chiếu đều dùng nhiều thủ đoạn để dụ dỗ, lôi kéo các bộ lạc này theo thế lực của mình, song đến nửa cuối thế kỷ IX, do những nguyên nhân đã trình bày ở phần trên, các bộ lạc miền núi ở khu vực này đã ngả về phía Nam Chiếu, chống lại nhà Đường.

Theo *Man thư*, tham gia vào hoạt động buôn bán ngựa ở Lâm Tây Nguyên có người Hán và người Sùng Ma Man (12). Người Hán có lẽ chủ yếu là người của phủ thành đô hộ. Họ mang muối từ đồng bằng đến

trao đổi trâu ngựa, sau đó sẽ quay về theo con đường bộ dài khoảng 130 lý nối liền Phong châu với phủ thành An Nam (13). Bên cạnh hai sắc dân đó, chúng tôi còn tìm thấy một số tư liệu chứng minh sự tham gia của người Chân Lạp trong hoạt động buôn bán này.

Sử liệu 2: *An Nam chí lược*, Q.16, Tập ký.

按唐式，職方之掌，安南都護與峰等州捉搦陸路，勿令真臘國人來，並禁市器仗及馬。

Dịch nghĩa:

Xét Đường thức, chức vụ của các quan: Đô hộ An Nam và Phong châu xét bắt đường bộ, không để cho người nước Chân Lạp đến mua vũ khí và ngựa.

Sử liệu 3: *Văn苑英華* (文苑英華), Q. 530, Thương cổ môn thập bát đạo.

真臘國人市馬判真臘國人來云，「於峰州市馬」，御史科安南都護罪訴云，「為相知捉搦陸路」，不伏，對惟德動天，無遠不屆，北極燭龍之國，屈膝稱臣，南窮火鼠之鄉，傾心向（一作券）化。眷茲真臘早挹淳風，自昔雷同，由來霧集，豈假鑄銅之力，無勞刻石之銘。所以來往邇州，市馬峰部，論其由緒，未乖從有之，方驗以逗留，豈爽求無之道，御史職惟，激濁志在揚清，疑彼姦非，欲嬰羅網，都護為相知捉搦，先有稟承，濫投一國之科，寧杜三緘之口向，若邇烽蠻擾，論情不可免辜，今既市馬往來，捫理難書厥罪，御史科結，有謝於彈珠，都護有詞，無慙於弁壁，宜依薄訴，用叶通途。

Tạm dịch:

Phán về việc người Chân Lạp mua ngựa

Người nước Chân Lạp đến nói rằng: “Mua ngựa ở Phong Châu”. Quan Ngự sử kết tội An

Nam Đô hộ: “Biết việc phải xét bắt đường bộ [mà không tuân theo]”. Không phục.

Đôi,

Thường nghĩ, đức có thể động đến trời cao, không nơi xa nào không vươn đến được. Nước Thục Long ở cực Bắc cũng quí gối xưng thần, vùng Hỏa Thử ở trời Nam cũng nghiêng mình theo giáo hóa. Chân Lạp sớm có phong tục thuần phác, [đức của Trung Quốc] từ xưa đã như tiếng sấm động khiến [xứ ấy] phải phục họa theo, từ giờ trở đi sẽ khiến theo về như mây tụ hội, há phải mượn sức đức đồng, mài công khắc đá. Cho nên việc [Chân Lạp] đi lại ở biên châu, mua ngựa ở đất Phong, xét căn nguyên của nó, vốn cũng chưa có chuyện gì sai trái, cứ cho phép mà làm, xét thấy có chuyện mới ngăn lại, chẳng phải làm như thế sẽ được an nhàn, không phải lo lắng hay sao. [Tuy nhiên] Chúc trách của Ngự sử vốn ở chỗ ngăn trước chuyện xấu mà khuyến khích điều tốt, nay nghi ngờ người Chân Lạp có chuyện gian phi nên mới muốn giăng lưới xét bắt. Về chuyện phải tra xét đường bộ, Đô hộ trước đã thừa lệnh triều đình nhưng lại không tuân theo (?). Nếu ở biên cương, người Man sinh chuyện, luận về tình không thể miễn tội được. [Tuy nhiên] việc [người Chân Lạp] đi lại mua ngựa là chuyện đã rồi [mà cũng chưa xảy ra vấn đề gì], nếu theo lý khó lòng mà kết tội. Ngự sử hạch tội cũng có cái lý, Đô hộ biện mình cũng không có gì đáng hổ thẹn. Vậy theo lời tố tội nhẹ, hòa hợp cả hai đường.

Tư liệu thứ nhất là một đoạn dật văn của Đường thư được Lê Tắc trích trong *An Nam chí lược*, lệnh cho An Nam Đô hộ, quan lại ở Phong Châu và các châu khác không được cho người Chân Lạp vào địa hạt mua ngựa và vũ khí.

Tư liệu thứ hai là phán quyết của nhà Đường xung quanh việc Ngự sử đài hạch

tội An Nam Đô hộ để người Chân Lạp đến Phong Châu mua ngựa, chép trong *Văn uyển anh hoa*, một trong Tứ đại thư được biên soạn vào thời Tống (14).

Trong bài viết này, chúng tôi muốn lưu ý đến niên đại thức văn ở tư liệu thứ nhất. Như chúng ta đã biết, “thức” là hệ thống qui tắc cụ thể được ban hành nhằm bổ sung nội dung cho Luật Lệnh (Luật Lệnh Cách Thức). Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, nhà Đường đã tiến hành biên soạn, chỉnh sửa thức văn một cách có hệ thống vào các niên hiệu Vũ Đức, Trinh Quán, Vĩnh Huy, Thủy Cung, Thần Long và Khai Nguyên (15). Căn cứ vào việc sử dụng tên gọi An Nam Đô hộ vốn chỉ có từ năm 679, có thể suy luận Đường thức mà Lê Tắc trích dẫn thuộc 1 trong 3 bộ thức biên soạn vào các niên hiệu Thủy Cung, Thần Long, Khai Nguyên. Mặt khác, bộ thức cuối cùng của nhà Đường được hoàn thành năm Khai Nguyên 25 (734), nên niên đại muộn nhất của thức văn mà Lê Tắc tham khảo là năm 734. Như vậy, việc người Chân Lạp đến Phong Châu mua ngựa ít nhất cũng đã có từ trước năm 734.

Để đến Phong Châu mua ngựa, người Chân Lạp đã sử dụng con đường giao thông cổ nổi liên Lục Chân Lạp với An Nam qua Hoan Châu, được Giã Đàm - Tể tướng nhà Đường trong niên hiệu Trinh Nguyên ghi lại (16). Theo tài liệu này, sau khi xuất phát, người Lục Chân Lạp đi khoảng 12 ngày thì đến sông La Luân (羅倫江, sông Ngàn Phố hiện nay?). Sau khi vượt sông, họ đi tiếp 2 ngày rồi vượt núi Vụ Ôn (霧溫嶺, theo *Nghệ An chí* - dẫn theo *Cương mục*, Vụ Ôn là một tên khác của núi Vụ Thấp - núi Vụ Quang, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay), đi thêm 3 ngày đến châu trị Hoan châu (17). Con đường này theo *Thái Bình hoàn vũ ký* dài khoảng 750 lý

(375km) (18). Từ Hoan Châu, họ ngược lên Cửu Chân, Ái châu (Thanh Hóa).

Liên quan đến đoạn đường từ Thanh Hóa ngược lên phía Bắc, trước đây, chúng ta đã biết đến sự tồn tại của con đường thủy xuất phát từ Ái châu qua Tạc khẩu (Yên Mô, Ninh Bình, lúc đó vẫn giáp ranh với biển) rồi theo hệ thống sông Đáy, sông Hồng ngược lên phủ thành đô hộ (19). Con đường thủy này theo *Nguyên hòa quận huyện đồ chí* (Q.38, Ái châu) dài khoảng 700 lý (350km). Trong *Man thư* cũng có một ghi chép nhắc đến việc quân đội Nam Chiếu đã từng thử sử dụng con đường thủy này để đưa kị binh tiến vào Chân Lạp, tuy nhiên khi đến bờ biển, họ thấy sóng to gió lớn nên đã rút quân về (sử liệu 4-C). Chi tiết này phù hợp với tính chất nguy hiểm nổi tiếng của Tạc Khẩu, Thần Phù trong lịch sử.

Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi muốn lưu ý đến sự tồn tại của một con đường khác vào thời Đường mà đến nay chưa thấy nhà nghiên cứu nào đề cập đến. Theo *Nguyên hòa quận huyện đồ chí* (sử liệu 4-A) và *Thái Bình hoàn vũ ký* (sử liệu 4-B), ngoài con đường thủy nêu trên còn tồn tại một con đường bộ nối Ái châu với phủ thành đô hộ dài 500 lý (khoảng 250 km). Chi tiết nhà Đường bắt An Nam Đô hộ và Phong châu “tra bắt đường bộ” (捉搦陸路), không cho người Chân Lạp vào mua ngựa, vũ khí chép trong *An Nam chí lược* và *Văn uyển anh hoa* (đã dẫn ở trên) cũng gián tiếp chứng minh sự tồn tại của con đường bộ đó. Đây có thể là tiền thân của con đường “thượng đạo” nổi tiếng vào thời kỳ sau này. Chúng tôi cho rằng từ Ái châu (Thanh Hóa), người Chân Lạp đã không sử dụng con đường thủy qua Tạc Khẩu (Yên Mô, Ninh Bình) mà theo con đường thượng đạo cổ qua tỉnh Hòa Bình hiện nay trực tiếp vào Phong châu mua ngựa.

Sử liệu 4 - A: *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, Q.38, Ái châu.

(愛州)西北至安南都護府五百里,水路七百里.

Dịch nghĩa:

(Ái châu) về phía Tây Bắc cách An Nam Đô hộ phủ 500 lý, đường thủy 700 lý.

Sử liệu 4 - B: *Thái bình hoàn vũ ký*, Q.171, Ái châu

東北至交州五百里水路七百里.

Dịch nghĩa:

(Ái châu) về phía Đông Bắc cách Giao châu 500 lý, đường thủy 700 lý.

Sử liệu 4 - C: *Man thư*, Q.10.

水真臘国, 陸真臘国与蛮鎮南相接, 蛮賊曾領馬軍到海畔, 見蒼波洶湧悵然, 收軍卻回.

Dịch nghĩa:

Nước Thủy Chân Lạp, Lục Chân Lạp cùng với phía Nam của Man trấn tiếp giáp nhau. Giặc Man trước kia từng thống lĩnh kị binh đến bờ biển, thấy sóng xanh hung hiểm đành thu quân về.

Như vậy, muộn nhất là từ đầu thế kỷ VIII, tại miền Tây của Phong Châu đã có hoạt động buôn bán trâu ngựa hết sức sôi động giữa nhiều tộc người: người Hán, người Chân Lạp, người Sùng Ma Man và có thể còn nhiều sắc dân khác nữa. Tuy nhiên, dưới pháp lệnh (thúc) cấm buôn bán của nhà Đường đối với Chân Lạp (mà có lẽ bắt nguồn từ sự tham gia của Chân Lạp trong cuộc nổi dậy của Mai Thúc Loan vào đầu niên hiệu Khai Nguyên) (20), hoạt động giao thương này đã suy yếu một phần. Sang thế kỷ IX, hoạt động buôn bán ngựa càng gặp khó khăn do chính sách vơ vét của Đô hộ Lý Trác cũng như ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa nhà Đường và Nam Chiếu. Theo sử liệu 1, sau khi bị Kinh lược sứ nhà Đường (Lý Trác) ép đổi trâu ngựa

với giá mỗi con chỉ đổi được 1 đấu muối, từ năm Đại Trung thứ 8 (854), người Sùng Ma Man không còn mang trâu ngựa đến Lâm Tây Nguyên buôn bán nữa. Khi Cao Biền phản công nhằm chiếm lại phủ thành An Nam, Phong Châu trở thành bãi chiến trường, các tộc người theo Nam Chiếu bị quân đội nhà Đường tàn sát.

Hoạt động buôn bán ngựa ở khu vực Tây Bắc thời Tiền Lê - Lý

Trên đây, chúng tôi đã thử tìm hiểu hoạt động buôn bán ngựa tại khu vực Tây Bắc từ đầu thế kỷ VIII đến cuối thế kỷ IX. Hiện nay, chúng ta không có nhiều tư liệu liên quan đến hoạt động giao thương này trong thế kỷ X. Đây là giai đoạn tầng lớp hào trưởng bản địa tận dụng cơ hội thế lực phong kiến phương Bắc suy yếu để từng bước khôi phục lại nền tự chủ. Trong giai đoạn này, các thủ lĩnh người Việt phải đối mặt với những khó khăn trong việc xây dựng chính quyền non trẻ, đối phó với những yêu sách và sự dòm ngó từ các thế lực phương Bắc, đồng thời lại phải giải quyết những tranh chấp nội bộ giữa các thế lực cát cứ địa phương, mà tiêu biểu là “Loạn 12 sứ quân”... Do vậy, không khó để suy đoán rằng: trong thế kỷ X, đối với các thủ lĩnh người Việt, việc mở rộng tầm ảnh hưởng về phía Tây Bắc cũng như can thiệp sâu vào hoạt động giao thương ở khu vực này không phải là mối quan tâm hàng đầu. Điều này có thể thấy rõ khi đến cuối thế kỷ X, biên giới của nhà Tiền Lê vẫn chỉ đến Phong Châu. Theo *Đại Việt sử lược* (ĐVSL), năm Hưng Thống 2 (991), Lê Hoàn đã phong em trai làm Ngự Man vương ở Phong châu (21). Bài minh trên mộ chí của Phụng Thánh phu nhân nhà Lý, dòng dõi của Ngự Man vương cho biết vị hoàng đế này của Lê Đại Hành còn kiêm thêm chức Chân Đăng châu bảo sở quán sát sứ (眞登

洲宝所觀察使) (22). Tên hiệu “Ngự Man vương” và chức “Giám sát sứ ở châu Chân Đăng” gián tiếp phản ánh việc nhà Tiền Lê vẫn kế thừa vùng biên giới của nhà Đường ở khu vực Tây Bắc. Vai trò của Phong châu tại thời điểm này vẫn là kiểm soát, chế áp các bộ lạc ở khu vực thượng du và miền núi.

Nhìn từ góc độ các tộc người sinh sống tại khu vực Tây Bắc, có thể coi thế kỷ X là giai đoạn tương đối ổn định và thuận lợi để từng bước khôi phục hoạt động giao thương, đặc biệt là với khu vực Vân Nam, Trung Quốc.

Bước sang đầu thế kỷ XI, vùng phía Tây Phong châu vẫn nằm ngoài quyền thống trị trực tiếp của các chính quyền người Việt. Mặc dù đã có một vài biểu hiện mang ý nghĩa thần phục, ví dụ vào năm 1006, châu Vị Long đã dâng một con ngựa trắng có 4 cửa cho Lê Long Đĩnh (23), song sự phục tùng này là hết sức lỏng lẻo. Chỉ 4 năm sau sự kiện nói trên, tháng Giêng năm Mậu Thân - Cảnh Thụy nguyên niên (1008), đích thân Lê Long Đĩnh cầm quân đánh 2 châu Vị Long và Đô Lăng, bắt người Man và ngựa vài trăm con (24). Năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) đời Lý Thái Tổ, “người Man sang quá cột đồng, đến bến Kim Hoa và châu Vị Long để buôn bán. Vua [Lý Công Uẩn] sai người bắt được người Man và hơn 1 vạn con ngựa” (25).

Ở đây, chúng tôi muốn lưu ý đến chi tiết “người Man sang quá cột đồng” (蛮人過銅柱) trong sự kiện năm 1010. Đây là chi tiết rất quan trọng, giúp chúng ta hiểu rõ hơn các đối tượng tham gia hoạt động buôn bán ngựa thời kỳ đầu nhà Lý. Cột đồng mà *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) đề cập đến ở đây hẳn là cột đồng phân định ranh giới An Nam Đô hộ phủ với Nam Chiếu. Theo *Man thư* (Q.7), tháng 10 năm Thiên

Bảo thứ 8 (749), Đường Huyền Tông sai Hà Lí Quang thống lĩnh binh mã thập đạo tấn công Nam Chiếu. Năm Thiên Bảo 10 (751), sau khi hạ thành An Ninh, quân đội nhà Đường khôi phục cột đồng Mã Viện. Thành An Ninh theo Man thư cách Thác Đông Tiết độ sứ (Côn Minh, Vân Nam) 1 ngày đường (sử liệu 5-B). Cũng theo *Man thư*, cột đồng này cách Giao Chỉ 48 ngày đường (sử liệu 5-A). Như vậy, người “Man” sang An Nam buôn ngựa là người Nam Chiếu - Đại Lý, xuất phát từ khu vực phụ cận Côn Minh ngày nay.

Sử liệu 5-A: *Man thư*, Q.1.

安寧城，後漢元鼎二年伏波將軍馬援立銅柱定疆界之所，去交阯城池四十八日程。從柘東節度城至安寧館一日，本是漢寧郡城也。

Sử liệu 5-B: *Man thư*, Q.7.

天寶八載玄宗委特進何履光統領十道兵馬，從安南進軍伐蠻國，十載已收復安寧城，并馬援銅柱，本定疆界，在安寧去交阯四十八日程安寧郡也。

Về địa điểm châu Vị Long, *Cương mục* chưa rằng: “Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Vị Long; nhà Lý, nhà Trần vẫn theo tên như thế. Khi thuộc Minh đổi là Đại Man. Về sau, nhà Lê vẫn để tên ấy. Bây giờ là đất châu Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang”. Chúng tôi hoàn toàn tán thành quan điểm của soạn giả *Cương mục*. Những năm 60 của thế kỷ trước, tại xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, người ta đã phát hiện được tấm bia của chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (保寧崇福寺碑), được lập năm 1107 để ca ngợi dòng họ Hà làm Tri Vị Long châu (知渭龍州) (26).

Như vậy, sau một giai đoạn suy thoái, hoạt động mua bán ngựa tại khu vực Tây Bắc đã dần dần phục hồi và trở lại hưng

thịnh vào đầu thế kỷ XI. Con số “hơn một vạn con ngựa” (馬万余疋) cho thấy đầu thế kỷ XI, đã hình thành những thương đoàn có qui mô lớn buôn ngựa từ Côn Minh, Trung Quốc sang vùng Tây Bắc Việt Nam ngày nay. Các thương đoàn này, như phân tích bên dưới, nhận được sự hậu thuẫn từ chính quyền Nam Chiếu - Đại Lý.

Sau các cuộc tấn công năm 1008 và 1010 của Lê Long Đĩnh và Lý Công Uẩn, tháng 10 năm Thuận Thiên 4 (1013), châu Vị Long theo người “Man” làm phản (27). Tháng Giêng năm sau (1014), một đội quân hùng hậu (theo *ĐVSKTT* có quân số lên đến “20 vạn người”) do 2 tướng “Man” là Dương Trường Huệ (楊長惠) (28) và Đoàn Kính Chí chỉ huy đã dàn quân ở bến Kim Hoa. Tuy nhiên, đội quân này đã bị Dục Thánh Vương nhà Lý đánh bại. Theo *ĐVSL*, quân Đại Việt đã bắt được ngựa nhiều vô số kể, một số trong đó được Lý Công Uẩn gửi sang biếu nhà Tống.

Sử liệu 6: *An Nam chí lược*, Q.12.

四年七月十日，公蘊上言鶴柘蠻三萬衆於本州界至蔡園本道，臣斃人騎與戰於茅林，賊衆大敗，擒其主軍楊兵會及蠻獠人馬，遣使詣闕，貢馬六十疋，獻捷。

Dịch nghĩa:

Ngày 10 tháng 7 năm [Thuận Thiên] 4, Công Uẩn thượng tấu: “Man Hạc Giá 3 vạn người từ biên giới bản châu đến đóng trại dòm ngó bản đạo. Thần [Lý Công Uẩn] phát người ngựa đánh giặc tại Mao Lâm. Bọn giặc đại bại. Bắt được chủ tướng Dương Bình Hội và người ngựa của Man Lão. Sai sứ đến cửa khuyết, dâng 60 con ngựa báo tin thắng trận.

Sử liệu 7: *Tục tư trị thông giám trường biên*, Q.83.

辛丑交州李公蘊敗鶴柘蠻於芳林州，斬首數萬，獲其主軍楊長惠，遣使來貢方物且告捷。

Dịch nghĩa:

Tân Sửu, Giao Châu Lý Công Uẩn đánh bại Hạc Giá Man tại Phương (29). Lâm châu, chém đầu mấy vạn người, bắt chủ tướng là Dương Trường Huệ, sai sứ đến cống phương vật và báo tin thắng trận.

Về lần triều cống này, *An Nam chí lược* và *Tục tư trị thông giám trường biên* ghi rõ đội quân “Man” là “Hạc Giá Man” (鶴柘蠻). Như chúng ta đã biết, “Hạc Giá Man” là một tên gọi khác của Nam Chiếu (30). Châu Vị Long - nơi tù trưởng Hà Ân Tuấn làm phản năm 1013 và bến Kim Hoa - địa điểm đóng quân của Dương Trường Huệ năm 1014 lại chính là địa bàn người Man buôn bán ngựa năm 1010. Kết nối chuỗi sự kiện này, chúng ta thấy bản chất của cuộc “phản loạn” năm 1013 và chiến dịch quân sự năm 1014 là sự bất mãn của tầng lớp thủ lĩnh địa phương ở châu Vị Long cũng như phản ứng quân sự của Nam Chiếu đối với các cuộc tấn công trước đó của nhà Tiền Lê và nhà Lý vào hoạt động mua bán ngựa.

Như vậy, đến đầu thế kỷ XI, khu vực miền Tây Phong Châu chủ yếu vẫn là địa bàn sinh sống của các tộc người miền núi, đồng thời là khu vực tranh giành quyền ảnh hưởng giữa nhà Tiền Lê - nhà Lý với chính quyền Nam Chiếu. Sự kiện Lê Long Đĩnh và Lý Công Uẩn tấn công và đánh cướp các đoàn buôn ngựa ở châu Vị Long cho chúng ta thấy: khác với các “trường” - các chợ công được thiết lập ở biên giới Việt - Tống, Việt - Chiêm, đến đầu thời Lý, hoạt động buôn bán ngựa ở vùng Tây Bắc vẫn chưa được đặt dưới sự quản lý của nhà nước. Vào đầu thế kỷ XI, các bộ lạc miền núi sinh sống ở khu vực này, bị kẹp giữa hai thế lực nhà Lý và Nam Chiếu, ban đầu

đã ngã theo Nam Chiếu, tiêu biểu là sự kiện châu Vị Long “làm phản” năm 1013. Khi Lý Công Uẩn thân chinh đánh dẹp, tù trưởng Hà Ân Tuấn cùng người của mình đã chạy vào núi, trông chờ vào sự hỗ trợ về quân sự từ phía Nam Chiếu. Tuy nhiên, chiến thắng năm 1014 của nhà Lý trước Nam Chiếu đã dập tắt hi vọng đó. Hà Ân Tuấn bị bắt trong cuộc tấn công do Dục Thánh vương và Vũ Đức vương chỉ huy 1 năm sau, bị giải về kinh thành xử chém và bêu đầu tại chợ Đông thành Thăng Long (31).

Có thể đánh giá hai năm 1014-1015 là cột mốc quan trọng trong lịch sử kinh dinh khu vực Tây Bắc của Đại Việt. Sau chiến thắng của nhà Lý, tầm ảnh hưởng của Nam Chiếu - Đại Lý tại khu vực này trở nên hết sức mờ nhạt cho đến cuộc phản loạn của Thân Lợi năm 1040. Tại châu Vị Long, một trong những địa bàn diễn ra hoạt động buôn bán ngựa sôi động vào đầu thế kỷ XI, sau khi bắt giết tù trưởng “phản loạn” Hà Ân Tuấn, nhà Lý đã thu phục được tầng lớp thủ lĩnh địa phương tại đây. Sau năm 1015, trong khi tại châu Đô Kim vẫn tiếp tục xảy ra một số vụ phản loạn vào các năm 1024 và 1036, không còn thấy tên châu Vị Long trong các mục tiêu đánh dẹp của quân đội nhà Lý. Đặc biệt, tấm bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc là nguồn tư liệu kim thạch văn quý giá cho chúng ta biết những gì xảy ra tại châu Vị Long sau hai năm 1014-1015.

Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi là tấm bia viết về Tri Vị Long châu Hà Di Khánh, văn bia được lập năm Long Phù Nguyên Hóa - Đinh Hợi (1107). Theo văn bia, dòng họ Hà của Hà Di Khánh vốn phát nguyên ở Ung châu, đến đời cao tổ là Hà Đắc Trọng thì thiên di sang châu Vị Long. Tại châu Vị Long, họ Hà đã dần trở thành một dòng họ có thế lực, quản lý “49 động, 15 huyện”.

Nhiều khả năng Hà Ân Tuấn - thủ lĩnh châu Vị Long bị giết năm 1015 cũng xuất thân từ dòng họ này. Tất nhiên, với nội dung chính là ca ngợi sự phục vụ của dòng họ với nhà Lý, tấm bia không nhắc đến nhân vật này. Đến đời ông nội của Hà Di Khánh, nhà Lý gả con gái giữa của công chúa thứ ba của Lý Thái Tổ (嫁于太祖皇帝第三公主仲女) cho ông này, đồng thời phong cho chức Đại liêu ban. Năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 4 (Đinh Tỵ, 1077), khi mới 9 tuổi, Hà Di Khánh đã được đưa vào Kinh đô Thăng Long, theo văn bia thì “đẹp đôi với em gái nhà vua” (好逮帝妹), nhưng do còn nhỏ, Hà Di Khánh lại được đưa về Vị Long. Mùa xuân năm sau (Mậu Ngọ, 1078), Hà Di Khánh quay lại Thăng Long, làm lễ thành thân với công chúa Khâm Thánh và đến mùa xuân năm Nhâm Tuất (1082) đưa dâu về Vị Long (32).

Như vậy, có thể thấy bên cạnh sức mạnh quân sự, nhà Lý đã sử dụng một chính sách ngoại giao rất khéo léo: gả con gái trong gia tộc cho các tù trưởng địa phương. Chính sách này không chỉ được áp dụng ở khu vực Tây Bắc mà cả ở vùng biên giới phía Bắc giáp nhà Tống. Căn cứ vào ghi chép của *Tống sử*, chúng ta biết được chính sách này đã được bắt đầu ngay từ thời Lý Thái Tổ, với việc gả công chúa cho thủ lĩnh Thân Thừa Quý (33). Ngày 7 tháng 3 năm Thiên Thành thứ 2 (1029), Lý Thái Tông gả công chúa Bình Dương cho thủ lĩnh Lạng châu là Thân Thiệu Thái. Tháng 3 năm Thông Thụy thứ 3 (1036), nhà Lý gả công chúa Khánh Thành cho châu mục Phong châu là Lê Thuận Tông (34). Tháng 8 mùa thu cùng năm, tiếp tục gả công chúa Trường Ninh cho châu mục châu Thượng Oai là Hà Thiện Lãm. Theo ghi chép năm Hội Tường Đại Khánh thứ 4 (1113) của

ĐVSKTT, nửa cuối thế kỷ XI, nhà Lý đã gả công chúa, vốn là con gái lớn của Phùng Càn vương được Lý Thánh Tông nuôi trong cung, cho châu mục châu Chân Đăng họ Lê (35).

Đặc biệt, các hoàng nữ của nhà Lý được gả không chỉ cho các thủ lĩnh đã trưởng thành mà cho cả con em của họ - những thủ lĩnh địa phương tương lai. Theo văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc, nhà Lý đã gả công chúa Khâm Thánh khi Hà Di Khánh mới có 10 tuổi.

Chính nhờ chính sách ngoại giao khôn khéo này, nhà Lý đã nhận được sự hỗ trợ đắc lực của các tù trưởng miền núi trong cuộc tấn công vào Ung châu cũng như cuộc kháng chiến chống Tống sau này. Chính cha của Hà Di Khánh, thủ lĩnh của châu Vị Long đã trực tiếp cầm quân, tham gia tích cực vào chiến dịch bao vây thành Ung châu của Lý Thường Kiệt, lập được nhiều chiến công và được nhà Lý phong thưởng làm Hữu Đại Liêu ban, Đoàn luyện sứ (太寧乙卯, 爰整王師, 載侵朔塞, 圍邕州而嚇怒, 拔武將而獻俘, 賞賜遷右大僚班, 團練使).

Một điểm đáng chú ý nữa trong nội dung văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc là Hà Di Khánh khi mới 9 tuổi đã được đưa về Thăng Long. Việc này được thực hiện không phải theo ý nguyện của dòng họ Hà mà là theo chiếu dụ của Lý Nhân Tông (時維九歲, 紫沼封詔, 戾止彤庭). Đây có thể là một hình thức ràng buộc của nhà Lý với các châu ki mi, theo đó các tù trưởng địa phương qui phục phải đưa con em về châu ở Thăng Long.

Ngoài ra, bài minh trên bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc cũng giúp chúng ta đánh giá lại một sự kiện lịch sử của khu vực được ghi chép trong *Việt sử lược* và *Toàn thư*. Theo hai bộ sử này, năm 999 (Kỷ Hợi), Lê

Hoàn đã thân chinh chỉ huy quân đội tấn công “Hà Động”, bao gồm 19 động (*Việt sử lược*) hoặc 49 động (*Toàn thư*), phá được các châu Nhật Tắc, Định Biên (36). Xung quanh ghi chép nói trên, trước đây, soạn giả *Cương mục* cho rằng “Hà Động” là động Hà Man, thuộc đất Thạch Thành, Thanh Hóa ngày nay. Quan điểm này sau đó được kế thừa trong bản dịch *Toàn thư* của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Mặt khác, *Cương mục* căn cứ vào *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi lại khẳng định châu Định Biên là đất thuộc Cao Bằng thời Lê (tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên hiện nay). Như vậy, nếu theo chú thích của soạn giả *Cương mục*, chúng ta phải giải thích rằng vào năm 999, Lê Hoàn đã tổ chức 2 chiến dịch quân sự riêng rẽ, một đánh xuống Thanh Hóa, một đánh lên khu vực xung quanh Cao Bằng; sau đó, khi biên soạn *Việt sử lược* và *Toàn thư*, soạn giả của 2 bộ sử này đã tổng hợp 2 sự kiện nêu trên vào cùng một ghi chép. Tuy nhiên, chúng tôi không đồng ý với cách giải thích nêu trên.

Trước tiên, chữ “Hà” trong chữ “Hà Động”, cũng tương tự như “Đỗ Động”, nhiều khả năng chỉ phạm vi ảnh hưởng của một dòng họ có thế lực, cụ thể ở đây là họ Hà. Thứ hai, con số “49 động” ghi chép trong sự kiện năm 999 lại trùng khớp một cách đáng ngạc nhiên với con số “49 động” quân hạt của họ Hà chép trong văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (37). Hơn nữa, như đã trình bày ở phần trên, châu Định Biên - một trong những mục tiêu quân sự năm 999 có vị trí địa lý tương đương với khu vực Cao Bằng đời Lê; xã Định Biên, huyện Định Hóa, Thái Nguyên ngày nay được coi là một phần của châu Định Biên xưa. Ghép nối tất cả những thông tin nêu trên, chúng tôi cho rằng đất “Hà Động” bị Lê Hoàn tấn công năm 999 không phải là đất Thạch Thành (Thanh Hóa) như soạn giả *Cương*

mục đã chú thích, mà phải là đất đai của dòng họ Hà ở khu vực Tây Bắc, mà trung tâm quyền lực nằm ở châu Vị Long (Chiêm Hóa, Tuyên Quang). Nói cách khác, cuộc tấn công năm 999 của Lê Hoàn là nhằm chinh phục các khe động miền núi phía Bắc, trong phạm vi các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên hiện nay. Như vậy, có thể nói ngay từ năm 999, nhà Tiền Lê đã bắt đầu có những hành động quân sự nhằm kiểm soát dân khu vực Tây Bắc. Chính cuộc tấn công năm 999 của Lê Hoàn đã dẫn đến sự kiện châu Vị Long dâng ngựa trắng cho Lê Long Đĩnh vào năm 1006.

Quay trở lại với hoạt động buôn bán ngựa, chúng ta không có nhiều tư liệu ghi chép trực tiếp về hoạt động giao thương này từ nửa cuối thế kỷ XI. Mặc dù Nam Chiếu - nguồn cung hàng chủ yếu, đã thất bại trong chiến dịch quân sự năm 1014, song không có nghĩa là hoạt động buôn bán ngựa bị chấm dứt. Căn cứ vào việc các vua nhà Lý vẫn tiếp tục gửi ngựa sang biếu nhà Tống, chúng ta có thể phỏng đoán hoạt động buôn bán ngựa vẫn được tiếp tục ở khu vực Tây Bắc, dưới sự thừa nhận và bảo hộ của nhà Lý (38). Chẳng hạn, theo *Lĩnh ngoại đại đáp* (Q.2), năm Thiệu Hưng thứ 26 (1146), trong số cống vật của nhà Lý có 6 con ngựa kèm yên cương dâng đích thân cho vua Tống và 8 con ngựa cống theo lễ “thường tiến” (39). “Thường tiến” có nghĩa là ngựa đã được xếp vào danh mục triều cống thường xuyên của nhà Lý.

Trong hoạt động buôn bán ngựa, bên cạnh người Nam Chiếu và các tộc người miền núi, chúng ta còn thấy sự tham gia của một số sắc dân khác, điển hình là người Chiêm Thành. Katakura Minoru và Li Tana đã từng đề cập đến vấn đề này trong nghiên cứu của mình (40). Chẳng hạn, *Tống sử*, phần viết về Chiêm Thành có

chép: “Người Chiêm Thành hay cưỡi voi, hoặc đi kiệu bằng vải mềm, hoặc mua ngựa của Giao châu” (41). Trong sách *Đông Tây dương khảo* thời Minh, soạn giả Trương Tiếp khi viết về các sản vật của Giao Chỉ có viết: “Thời Tống, Chiêm Thành hay mua ngựa từ Giao Chỉ, nên biết xứ ấy có sản vật là ngựa” (42).

Sự kiện Thân Lợi và chính sách kinh dinh của nhà Lý ở vùng Tây Bắc

Trên đây, chúng tôi đã trình bày về hoạt động buôn bán ngựa trong giai đoạn sau thế kỷ IX trong mối tương quan với các chính sách chính trị - quân sự của nhà Tiền Lê - Lý ở vùng biên giới Tây Bắc. Sau năm 1014, về cơ bản, nhà Lý đã loại bỏ được ảnh hưởng chính trị của Nam Chiếu tại khu vực. Tuy nhiên, đến năm 1040, Nam Chiếu lại tìm cách can thiệp vào khu vực Tây Bắc thông qua cuộc phản loạn của Thân Lợi.

Theo *ĐVSKTT*, năm Thiệu Minh thứ 3 (1140), một thầy phù thủy là Thân Lợi tự xưng là con của Lý Nhân Tông đã cầm đầu một cuộc phản loạn qui mô lớn ở khu vực Tây Bắc. Điều đáng lưu ý là mối quan hệ giữa Thân Lợi và Nam Chiếu - Đại Lý được ghi chép trong chính sử Trung Quốc.

Sử liệu 8: *Tống sử*, Q.488, Liệt truyện 247, Giao Chỉ - Đại Lý.

乾德有側室子奔大理，蠻姓名為趙智之自稱平王，聞陽煥死，大理遣婦，與天祚爭立，求入貢，欲假兵納之，帝不許。

Dịch nghĩa:

Càn Đức có một người thiếp, con của người thiếp đó chạy sang Đại Lý, lấy tên Man là Triệu Trí Chi, xưng là Bình vương. Nghe tin Dương Hoán chết, Đại Lý sai về cùng Thiên Tộ tranh ngôi. Trí Chi xin vào cống nhà Tống, muốn mượn binh để thu lấy thiên hạ. Vua [Tống] không cho.

Sử liệu 9: *Kiến viêm dĩ lai hệ niên yếu lục*, Q.129.

初南平王李乾德既卒，其庶子智之奔大理，更姓趙，號平王，聞其兄陽煥死，與天祚爭國，大理以兵三千助之，謀報智之欲入貢，廣西帥臣奏其事，詔婉順約回，毋得招納生事。

Dịch nghĩa:

Nam Bình vương Lý Càn Đức chết. Người con thứ là Trí Chi chạy sang Đại Lý, đổi họ thành Triệu, xưng hiệu là Bình vương. Nghe tin anh là Dương Hoán chết, tranh ngôi với Thiên Tộ. Đại Lý lấy 3000 quân giúp [Trí Chi]. Điệp báo Trí Chi muốn vào nhập cống. Quảng Tây sớ tấu việc đó lên triều đình. Chiếu, cứ khéo léo hứa rồi cho về, không được chiêu nạp để sinh chuyện.

Theo *Tống sử*, Thân Lợi vốn là con một người thiếp của vua Lý Nhân Tông đã chạy sang Đại Lý. Tại Đại Lý, Thân Lợi lấy tên là Triệu Trí Chi, tự xưng là Bình vương (43). Khi Lý Nhân Tông mất, Đại Lý đã “sai Trí Chi trở về” (遣婦) tranh ngôi với Lý Thiên Tộ (Lý Anh Tông). Như GS. Momoki đã dẫn (44), theo sách *Kiến viêm dĩ lai hệ niên yếu lục* (sử liệu 9), Đại Lý còn cử thêm 3000 quân giúp cho Thân Lợi.

Nhằm thu hút sự tham gia của các tù trưởng miền núi, Thân Lợi đã sai người nói phao là giỏi binh thuật để khiến người các khe động khiếp sợ và không dám chống lại. Cũng theo *ĐVSKTT*, địa bàn hoạt động của Thân Lợi là các châu thượng du thuộc địa bàn 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hiện nay. Đó là các châu Thái Nguyên, Tây Nông, Lục Lệnh, Thượng Nguyên (khoảng giữa huyện Phú Bình, Thái Nguyên và huyện Bạch Thông, Bắc Kạn) và Hạ Nông (huyện Bạch Thông).

Sau khi chiến dịch trấn áp của tướng nhà Lý là Lưu Vũ Xung thất bại, Thân Lợi

sai người đất Tuyên Hóa (huyện Định Hóa, Thái Nguyên), Cẩm Hóa (huyện Ngân Sơn, Na Rì - Bắc Kạn và một phần Bạch Thông - Thái Nguyên), Vinh Thông đánh lấy phủ Phú Lương (huyện Phú Lương - Thái Nguyên), uy hiếp Thăng Long. Tuy nhiên, đến tháng 5, quân Lợi bị Thái úy Đỗ Anh Vũ đánh bại. Để trấn áp, răn đe dư đảng của Thân Lợi, Đỗ Anh Vũ đã sai chém đầu những người phản loạn bêu cạnh đường suốt từ cửa quan Bình Lỗ đến sông Nam Hán. Cuộc phản loạn kết thúc vào khoảng tháng 10 năm 1141, khi Thân Lợi bị bắt tại Lạng châu, bị đóng cũi giải về kinh sư và bị chém đầu cùng 20 người đồng mưu (45).

Cuộc phản loạn của Thân Lợi thể hiện tham vọng của Nam Chiếu - Đại Lý trong việc khôi phục ảnh hưởng của mình ở khu vực Tây Bắc Đại Việt. Tuy nhiên, cuộc phản loạn của Thân Lợi chỉ thu hút được sự tham gia của các thủ lĩnh miền núi trên địa bàn khu vực tương đương với hai tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên hiện nay mà không nhận được sự hưởng ứng của người các châu Chân Đăng, Vị Long, Đô Kim. Thậm chí, vào tháng Giêng năm 1140, ngay trước cuộc phản loạn của Thân Lợi, một tù trưởng ở châu Chân Đăng là Lê Pháp Viên đã dâng hươu trắng lên triều đình như là biểu hiện của sự tòng phục (46). Điều này là minh chứng cho thấy sự thành công trong chính sách kinh dinh của nhà Lý ở khu vực Tây Bắc. Chính sách quân sự răn đe kết hợp với ngoại giao mềm dẻo của nhà Lý tiếp tục được thể hiện trong việc xử lý các thủ lĩnh địa phương đi theo Thân Lợi. Sau khi bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai (huyện Võ Nhai, Thái Nguyên) là Dương Mục và thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, nhà Lý sai giải hai người này về giam ở chính huyện phủ của mình, lại sai Đỗ Anh Vũ triệu tập tàn đảng của Lợi ở Bình Lỗ quan, mở kho công phát muối cho bọn Mục,

Ái (47). Đến năm 1142, để thu phục nhân tâm, nhà Lý tiếp tục miễn tội lưu đày cho đồ đảng của Thân Lợi (48).

Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã cố gắng tập hợp và phân tích các tư liệu liên quan đến hoạt động buôn bán ngựa từ thế kỷ VIII đến giữa thế kỷ XII cũng như những chính sách kinh dinh của nhà Lý ở khu vực Tây Bắc.

Như chúng tôi đã phân tích, hoạt động buôn bán ngựa tại khu vực này ít nhất đã có từ đầu thế kỷ VIII. Đặc trưng thứ nhất của hoạt động giao thương này là tính liên vùng, có sự tham gia của nhiều sắc dân, nhiều tộc người, không chỉ của những vùng giáp ranh địa bàn mua bán ngựa mà cả những khu vực rất xa xôi như Chân Lạp, Chiêm Thành. Một đặc trưng nữa của hoạt động buôn bán này là nó được thực hiện trên địa bàn sinh sống của nhiều bộ lạc miền núi. Mặc dù tồn tại dưới dạng các châu ki mi, song về cơ bản các bộ lạc này có quyền tự trị cũng như lực lượng quân sự riêng. Suốt từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XII, đây luôn là khu vực mang tính chất ngoại biên - vùng đệm giữa 2 thế lực lớn (vào thời thuộc Đường là nhà Đường với Nam Chiếu, từ thế kỷ X là các vương triều Đại Việt với thế lực của Nam Chiếu - Đại Lý). Chính vì vậy, các hoạt động giao thương ở khu vực này cũng chịu tác động bởi các chính sách của các thế lực đối lập trên, điển hình là cuộc chiến tranh giữa Đường và Nam Chiếu vào nửa cuối thế kỷ IX và cuộc xung đột giữa nhà Lý và Nam Chiếu - Đại Lý vào đầu thế kỷ XI.

Nhìn từ góc độ Đại Việt, sau giai đoạn Bắc thuộc, có thể nói Lê Hoàn là ông vua đầu tiên đã để mắt đến khu vực Tây Bắc với cuộc tấn công vào năm 999. Sau một số cuộc đánh dẹp dưới triều Tiền Lê, vương

triều Lý đã đóng vai trò rất lớn trong việc khống chế, từng bước kiểm soát các châu miền núi. Sự thành công của nhà Lý trong quá trình kinh dinh khu vực này là sự kết hợp giữa sức mạnh quân sự mang tính rắn đẽ, trấn áp đối với các thế lực có mưu đồ ly khai, với các chính sách ngoại giao khéo léo, điển hình là việc gả hoàng nữ cho các

tù trưởng miền núi hay khoan hồng cho những người không phải là chủ mưu trong các cuộc nổi dậy. Việc sớm ổn định khu vực Tây Bắc, kiểm soát các hoạt động giao thương ở đây là tiền đề to lớn để nhà Lý tập trung lực lượng mở mang bờ cõi về phía Nam cũng như đối phó với nhà Tống ở biên giới phía Bắc.

CHÚ THÍCH

(1). Momoki Shiro, *Đại Việt and South China Sea trade from the 10th to the 15th century*, Crossroads, 12 (1), 1998. Li Tana, *A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast*; John K. Whitmore, *The Rise of the Coast: Trade, State and Culture in Early Đại Việt*, Journal of Southeast Asian Studies, 37 (1), 2006.

(2). Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

(3). Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm “vùng (khu vực) Tây Bắc” để chỉ khu vực địa lý nằm phía Tây Bắc thành Đại La (thời thuộc Đường). Kinh thành Thăng Long (thời kỳ tự chủ).

(4). Về các bản chữ Hán mà chúng tôi sử dụng, xin tham khảo thêm: *An Nam chí lược*:黎崱撰【安南志略】(中華書局,一九五五年); *Đại Việt sử ký toàn thư*:吳士連等編,陳荆和点校【大越史記全書】(東京大学東洋文化研究所附属東洋学文献センター刊行委員会,一九八六年); *Đông Tây dương khảo*:(明)張燮著【東西洋考】(中華書局,一九八一年); *Đường hội yếu*:(宋)王溥撰【唐會要】(中華書局,一九五五年); *Kiến việi dĩ lai hệ niên yếu lục*:(宋)李心伝撰【建炎以來系年要錄】(上海古籍,二〇〇〇年); *Lĩnh ngoại đại đáp*:(宋)周去非撰【嶺外代答】(中華書局,一九九九年); *Man thư*:(唐)樊綽撰,向達校注【蠻書校注】(中華書局,一九六一年); *Nguyên hòa quận huyện đồ chí*:(唐)李吉甫撰,賀次君点校【元和郡縣圖志】(中華書局,一九六

二年); *Tân Đường thư*:(宋)歐陽脩等撰【新唐書】(中華書局,一九七五年); *Thái bình hoàn vũ ký*:【宋本太平寰宇記】(中華書局,二〇〇〇年); *Thái bình quảng ký*:(宋)李昉等編【太平廣記】(中華書局,一九六一年); *Tống sử*:(元)脱脱撰【宋史】(中華書局,一九七七年); *Tục tư trị thông giám trường biên*:(宋)李燾撰【續資治通鑑長編】(中華書局,一九七九年); *Tư trị thông giám*:(宋)司馬光編著,(元)胡三省音注【資治通鑑】(中華書局,一九五六年); *Văn uyển anh hoa*:(宋)李昉等編【文苑英華】(中華書局,一九六六年).

(5). Sách *Thái bình quảng ký* chép là “Đường Ma Man” (棠魔蠻)(【太平廣記】卷七八九,四夷部十).

(6).「峰州在安南西北,林西原当又在峰州西」(【資治通鑑】卷二四九,宣宗大中十二年六月条).

(7).「武德四年又置峰州兼管羈縻州十八」(【元和郡縣志】卷二八、峰州).

(8).「新升都督府,峰州驩州並,貞元七年四月二十日升」(【唐會要】卷七〇,量戶口定州縣第例).

(9). Tham khảo thêm Phạm Lê Huy, *Về một số thủ lĩnh An Nam thời thuộc Đường*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9-2009.

(10). Về đơn vị đo lường thời Đường, hiện nay tồn tại nhiều quan điểm khác nhau do sự chênh lệch trong tính toán độ dài của 1 thước. Hiện nay, nhiều học giả ủng hộ tính toán của Hồ Kích Tăng cho rằng 1 đại thước dài khoảng 29,5cm, 1 tiểu

thước khoảng 24,5784cm, 1 đại lý khoảng 531m, 1 tiểu lý khoảng 442m. Trong bài viết này, chúng tôi tính trung bình 1 lý bằng khoảng 500m. Tham khảo thêm Đồng Quốc Đồng, *Lịch sử nghiên cứu thương nghiệp thời Đường trong thế kỷ XX*, Luận cáo về lịch sử kinh tế - xã hội Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại, Nxb. Giáo dục Hồ Bắc, 2005 (陳國棟「二十世紀唐代商業史研究述評」《中國中古經濟與社會史論稿》湖北教育出版社, 二〇〇五年).

(11). 「從安南上水至峰州兩日, 至登州兩日」(《蠻書》卷一).

(12). Người Sùng Ma Man ở đâu nay không thể khảo được. Tuy nhiên, chúng tôi ngờ rằng đây là một nhóm của người Thoán Man (Về người Thoán Man, xin xem thêm phần viết về các châu kimi thời Đường của học giả Đào Duy Anh trong sách *Đất nước Việt Nam qua các đời*).

(13). Theo *Thái bình hoàn vũ ký* (Q.170, Phong châu), ngoài đường thủy còn có con đường bộ nối Phong châu với phủ thành An Nam dài 135 lý (東南至安南府陸路一百三十五里, 西南至安南府水路一百四十五). Đây có thể chính là con đường 130 lý mà *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí* (Q.38, Lĩnh Nam đạo 5, Phong Châu) ghi chép.

(14). Sách *Văn uyển anh hoa* do nhóm Lý Phưởng, Tống Bạch biên soạn trong khoảng thời gian từ năm 982 (Thái Bình Hưng Quốc 7) đến năm 987 (Ung Hy 4).

(15). Về hệ thống Luật Lệnh Cách Thức của nhà Đường, xin tham khảo Niida Noboru, *Đường lệnh tập di*, Nxb. Học viện Văn hóa Phương Đông, 1933 (仁井田陞「唐令拾遺」東方文化學院, 一九三三年), Sogabe Shizuo, *Nghiên cứu lịch sử chế độ Luật Lệnh Trung Quốc*, NXB Yoshikawa Kobunkan, 1975 (曾我部静雄「中國律令史の研究」吉川弘文館, 一九七五年), Lý Ngọc Sinh, *Nghiên cứu hệ thống pháp luật thời Đường*, Tạp chí Pháp học gia, 05-2004 (李玉生「唐代法律體系研究」, 《法學家》2004年第5期).

(16). 「新唐書」卷四二下, 地理志.

(17). 「白驪州西南二日行度霧溫嶺, 又二日行至棠州日落泉又經羅倫江及古朗洞之石蜜山, 三日行至棠州文陽泉, 又經藤藤澗, 四日行至文單國之算台泉, 又三日行至文單外城, 又一日行至內城, 一曰陸真臘」(《新唐書》卷四二下, 地理志).

(18). 「(驪州)西南至文單國十五日程, 約七百五十里」(《太平寰宇記》卷一七一).

(19). Tham khảo Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1963, tr. 141.

(20). Về thời điểm bắt đầu của khởi nghĩa Mai Thúc Loan cũng như sự tham gia của Chân Lạp, xin xem thêm Phan Huy Lê, *Khởi nghĩa Mai Thúc Loan: Một số vấn đề cần làm rõ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-2009.

(21). 「興統二年, 封弟之子為禦蠻王, 居峰州」(《大越史略》黎紀, 大行王).

(22). 「祖駙驥尉, 真登洲宝所觀察使, 即御蠻王太王之親姪, 定黎家大行皇帝之孫」. Về các văn bia sử dụng trong bài viết này, chúng tôi sử dụng bản chữ Hán của *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam (Tập 1: Từ Bắc thuộc đến thời Lý)*, EFEO - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1998.

(23). 「渭龍州, 今大蠻州是也, 獻白駒, 四足生距」(《大越史記全書》本紀, 卷二, 丙午十三年冬十月条).

(24). 「二年, 正月, 改元景瑞元年. 王親征都良. 渭龍二州, 俘蠻人及馬數百匹」(《大越史略》黎紀, 臥朝王).

(25). 「足歲, 蠻人過銅柱, 至金華步, 及渭龍州貿易, 帝使人擒護蠻人及馬万余疋」(《大越史記全書》本紀, 卷二, 順天元年是歲条).

(26). Xem thêm Trần Huy Bá, *Một tấm bia cổ gần 900 năm mới phát hiện*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8-1969.

(27). 「冬十月, 渭龍州叛附於蠻, 帝親征, 首領河晏俊惧, 引徒竄山林」(《大越史記全書》本紀, 卷二, 順天元年是歲条).

(28). ĐVSL chép là Đỗ Trường Huệ. 「順天五年命翊聖王討蠻將杜長惠於金華步克之,斬首万計,俘獲上馬,不可勝数」(『大越史略』李紀,甲寅順天五年条).

(29). *An Nam chí lược* chép là “Mai Lâm” (茅林).

(30). 「南詔或曰鶴柘」(『文献通考』卷三二九).

(31). 「詔翊聖王,武德王討都金,渭龍,常新,平原等州,擒河晏俊歸京師,梟于東市」(『大越史記全書』本紀,卷二,乙卯順天六年二月条).

(32). Sự kiện này cũng được ghi chép trong ĐVSL. 「英武昭勝七年,春三月,降欽聖公主於渭龍州牧何彝慶」(『大越史略』李紀,英武昭勝七年春三月条).

(33). 「大聖六年,遣驩州刺史李公顯來貢,除叙州刺史,既而令其子弟及其壻申承貴率衆內寇」(『宋史』卷四八八,外国四,交趾).

(34). 『大越史略』李紀,天成二年条,通瑞三年春三月条. Trên đây, chúng tôi sử dụng ghi chép của ĐVSL. Về trường hợp Lê Thuận Tông, ĐVSKTT chép là Lê Tông Thuận và công chúa Kim Thành (金城公主).

(35). 『大越史記全書』本紀,卷二,丙子通瑞三年秋八月条,同卷三,癸巳会祥大慶四年春六月条.

(36). 「己亥六年,宋咸平二年,帝親征何洞等四十九洞,及破日則,定邊州等處,自是,諸州洞皆率服」(『大越史記全書』本紀卷一,黎紀,宋咸平二年(九九九年)条). 「應天五年,王親討何洞之十九州,平之」(『大越史略』).

(37). Chúng tôi cho rằng trong trường hợp này, con số 49 động của *Toàn thư* chính xác hơn so với con số 19 động của *Việt sử lược*.

(38). Trước đây, Katakura Minoru có đề cập đến sự kiện Lưu Báo tấn công Nùng Trí Hội do từ trường này cắt đứt con đường mua ngựa của Giao Chỉ (交趾買馬路). Tuy nhiên, chúng tôi có cùng quan điểm với học giả Hoàng Xuân Hãn, đánh giá sự kiện này chỉ là xung đột mang tính cá nhân giữa Nùng Trí Hội và Lưu Báo. “Con đường mua

ngựa của Giao Chỉ” được đề cập ở đây có lẽ chỉ là con đường mua ngựa mà một số thủ lĩnh khe động ở biên giới phía Bắc sang Trung Quốc mua ngựa của Vân Nam, chứ không phải con đường chính thức cung cấp ngựa cho vương triều Lý. Xem thêm bài của Katakura, Hoàng Xuân Hãn (đã dẫn).

(39). 「御馬六匹鞍轡副之,常進馬八匹」(『嶺外代答』卷二).

(40). Katakura Minoru, *Một số khảo sát về ngựa ở Việt Nam, Nghiên cứu cơ sở về hệ thống pháp luật ở Việt Nam thời kỳ tiền cận đại*, Nxb. Kazama Shobo, 1987 (片倉穰「ベトナムの馬をめぐる二、三の考察」【ベトナム前近代法の基礎的研究】風間書房,一九八七年). Li Tana, tài liệu đã dẫn, 2006.

(41). 「人多乘象,或軟布兜,或於交州市馬」(『宋史』卷四八九,列伝二四八,占城).

(42). 「宋時占城多從交趾市馬,則馬故所自出」(『東西洋考』卷一,交趾,物産).

(43). *Bia Cự Việt quốc thái úy Lý công* chép tên Thân Lợi là “thằng Sứ” (尙衰), hiệu của Thân Lợi là “Bình Nguyên tướng quân”. “Thân Lợi”, “Trí Chi” hay “Sứ” có lẽ đều chỉ là cách phiên âm tên một người miền núi.

(44). Momoki Shiro, *Hành động quân sự và các thế lực địa phương dưới triều Lý*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 24 (4), 1987 (桃木至朗「ヴェトナム李朝の軍事行動と地方支配」【東南アジア研究】24-4,一九八七年).

(45). 『大越史記全書』本紀,卷四,辛酉大定二年条.

(46). 「春正月真登州牧黎法円献白鹿」(『大越史記全書』本紀,卷四,大定元年条).

(47). 「擒万崖州首领楊日,金鷄洞首领周愛,檻送京師(中略)壬午,送日愛于本鼎府,詔英武招集利敗卒丁平虜閔,免御府塩給日口愛等」(『大越史記全書』本紀,卷四,辛酉大定二年夏四月条).

(48). 「詔免利党放流罪」(『大越史記全書』本紀,卷四,丁戌大定三年条).